

## MỘT SỐ KHÍA CẠNH GIỚI TRONG CÁC MÔ HÌNH SRI VÀ BOOK KEEPING TẠI HUYỆN MỸ ĐỨC - HÀ NỘI

Some Gender Aspects in SRI and Book Keeping Models in My Duc District - Hanoi

Văn Trọng Thủy<sup>1</sup>, Phạm Thị Mỹ Dung<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Dự án VIE 001/10, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup>Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: *hien\_hien1939@yahoo.com*

Ngày gửi đăng: 26.02.2011; Ngày chấp nhận: 25.04.2011

### TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm góp thêm những dẫn chứng về tham gia của giới trong các mô hình nhỏ ở cấp hộ là mô hình kỹ thuật SRI - Hệ thống canh tác lúa cải tiến và mô hình quản lý Book keeping - Mô hình sổ kế toán hộ. Cả 2 mô hình đều do Tổ chức Oxfam Mỹ hỗ trợ cho 3 xã Đại Nghĩa, Hợp Tiến và An Tiến của huyện Mỹ Đức thành phố Hà Nội. Trong hoạt động xã hội cũng như các hoạt động của mô hình SRI (Systems of Rice Intensification) và Book keeping, phụ nữ đều tham gia một phần đáng kể. Qua việc tham gia các mô hình, nữ giới đã có tiến bộ nhanh hơn trong thay đổi nhận thức, ra quyết định và trình độ ghi chép tính toán kinh tế.

Từ khóa: Book keeping, giới, mô hình, Mỹ Đức, SRI.

### SUMMARY

This research aims to provide additional evidence on Gender participation in small models at households level. They are technical model SRI- Systems of Rice intensification and management model - Book keeping. Both models are supported by Oxfam America for 3 communes Dai Nghia, Hop Tien and An Tien, My Duc District, Ha Noi City. In social activities as well as SRI and Book keeping activities women have participated remarkably. By participating in the model, women had faster progress in changing the perception, attitude, decision making, record levels and economic calculation.

Key words: Book keeping, gender, model, My Duc, SRI.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước nông nghiệp với 76% dân cư sống ở nông thôn. Trong đó lực lượng lao động nữ chiếm khoảng 70% lao động nông thôn, họ đã có nhiều đóng góp to lớn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Hiện tại ở Việt Nam chưa có sự cân bằng giới một cách thực sự trong mọi lĩnh vực, minh chứng trong thực tế hiện nay khi đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào áp dụng trong các ngành,

lĩnh vực kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng, chúng ta mới chỉ quan tâm đến hộ và cộng đồng mà chưa thực sự đề cập đến vấn đề về giới, điều này làm hạn chế việc chuyển giao, sử dụng và khai thác hiệu quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật đó. Bởi vậy đưa giới vào các hoạt động phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng là một chiến lược đúng đắn và cần thiết. Cho đến nay đã có nhiều tài liệu và nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực giới (Phạm Văn

Bình, 2003; Phạm Thị Mỹ Dung, 2005; Quyền Đình Hà và cs., 2003) nhưng nghiên cứu giới trong các xã có một số mô hình mới gắn trực tiếp với hộ nông dân thì còn ít. Nghiên cứu này góp phần bổ sung những nét riêng cho việc kết luận về tham gia của giới trong phát triển nông thôn.

Mỹ Đức là huyện nghèo của thành phố Hà Nội. Cả huyện có khoảng 40.000 hộ với khoảng 180.000 khẩu trong 23 xã. Sản xuất lúa là nguồn thu nhập chính (lúa chiếm tới hơn 72% diện tích canh tác). Từ đầu năm 2007, Tổ chức Oxfam Mỹ đã hỗ trợ cho huyện dự án thử nghiệm mô hình SRI - Hệ thống canh tác lúa cải tiến, sau đó là dự án thử nghiệm mô hình Book keeping - Sổ Kế toán hộ (Phạm Thị Mỹ Dung, 2009). Các dự án được thử nghiệm tại 3 xã Đại Nghĩa, Hợp Tiến và An Tiến. Đây là 3 xã liền kề nhau và chủ yếu sản xuất lúa, ngành nghề ít phát triển. Mô hình SRI nhằm giúp nông dân chuyển từ cách canh tác truyền thống sang canh tác lúa với cây mạ non, cấy thưa, cấy 1 dảnh, không dùng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, còn mô hình Book keeping nhằm tăng năng lực quản lý hộ thông qua ghi chép, tính toán cho hộ.

Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích tham gia của giới trong các hoạt động xã hội nói chung và cụ thể hơn là một số hoạt động trong 2 dự án cụ thể. Từ đó thấy được vai trò giới trong nông thôn và đưa ra một số kiến nghị thúc đẩy tham gia của giới trong các lĩnh vực, đặc biệt khi có những dự án tới cấp hộ.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Tiếp cận nghiên cứu

\* Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận giới gồm: Tiếp cận giới trong sản xuất nông nghiệp; tiếp cận giới trong công tác xã hội; tiếp cận giới trong quyền quyết định của gia đình và các quyết định liên quan tới hoạt

động xã hội. Trong đó, tiếp cận nghiên cứu phát triển nông thôn gồm: Giới trong việc tham gia các mô hình kinh tế, mô hình dự án; Giới tham gia vào việc hoạt động thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại địa phương; Giới trong việc tự nguyện xây dựng câu lạc bộ, nhóm tổ cùng nhau phát triển.

\* Tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia gồm: Số lượng nam, nữ trong tập huấn mô hình dự án; Số nữ và nam quyết định việc tham gia mô hình kinh tế, dự án; Số nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và các quyết định của gia đình khác.

\* Tiếp cận nghiên cứu hệ thống gồm: Nghiên cứu giới trong các hoạt động xã hội; Nghiên cứu giới trong các quyết định về công việc xã hội và gia đình; Nghiên cứu giới trong vai trò hoạt động của mô hình dự án tại nông thôn.

### 2.2. Điểm nghiên cứu

Dự án chọn 3 xã Đại Nghĩa, Hợp Tiến và An Tiến là điểm nghiên cứu. Nghiên cứu cũng dựa trên cơ sở các mô hình được thực hiện trong các thôn từ năm 2007 đến nay.

### 2.3. Hộ điều tra

Chọn toàn bộ 90 hộ nông dân tại 3 xã có tham gia cả 2 mô hình SRI và Book keeping. Ngoài ra còn khảo sát 60 hộ ngoài mô hình tại 3 xã. Nghiên cứu thêm một số nội dung liên quan là thành viên trong gia đình trong số 90 hộ điều tra chính để làm rõ vấn đề. Chọn hộ để nghiên cứu không dựa trên tiêu chí kinh tế của hộ mà dựa trên cơ sở các hộ tham gia dự án và hộ không tham gia dự án để thấy được sự khác nhau trong việc tham gia hoạt động xã hội của hai giới trong hai nhóm hộ.

### 2.4. Phương pháp phân tích

Chủ yếu dùng các phương pháp phân tích giới, so sánh “trước, sau”, so sánh “có, không” và thảo luận với các hộ, cán bộ địa phương.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Giới trong công tác xã hội

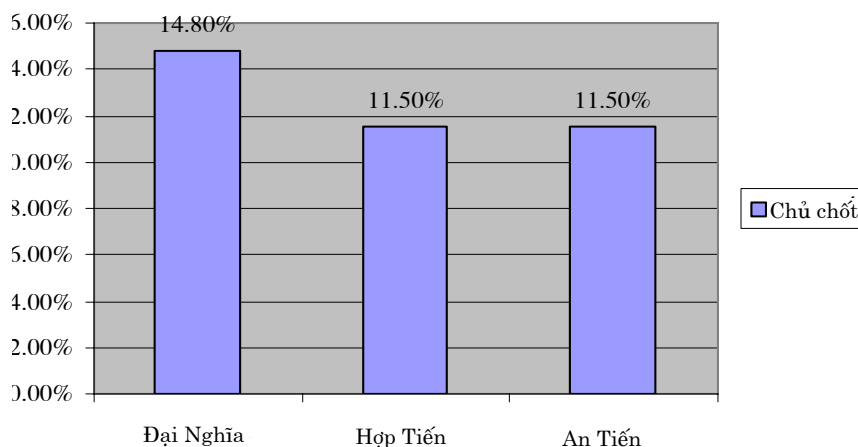
Nghiên cứu giới trong công tác xã hội tại các xã cho thấy, trong các chức vụ chủ chốt tại xã chỉ có Hội Phụ nữ do nữ giới giữ chủ chốt, còn các chức danh khác đều do nam đảm nhiệm (Hình 1).

Tại cấp thôn, xóm thì tỷ lệ nữ tham gia công tác chiếm 52,1% nhiều hơn nam giới. Phụ nữ thường làm chi hội trưởng phụ nữ hoặc nông dân. Hai dự án SRI và Book keeping là dự án nhỏ ở cấp thôn nên phụ nữ cũng có điều kiện tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội. Như vậy càng ở cấp độ công tác cao thì tỷ lệ nữ tham gia càng ít. Sự tham gia khác nhau thể hiện rõ vai trò, điều kiện công tác và các quan niệm của mỗi giới trong mỗi cấp độ công tác (Bảng 1).

#### 3.2. Giới trong mô hình SRI

##### 3.2.1. Giới trong các khóa tập huấn SRI

Hệ thống SRI gọi là một phương pháp mới về kỹ thuật trồng lúa khoa học. Số liệu điều tra có 74,3% - 93,8% là nữ trong các lớp tập huấn về trồng trọt, nam giới chỉ tham gia khoảng 6,7% - 25,7%. Điều này thể hiện sự phân chia công việc theo giới trong các hoạt động sản xuất là rõ ràng. Qua phỏng vấn, nữ giới trong các hộ có nam tham gia tập huấn SRI cho rằng dù các lớp tập huấn có nam tham gia nhưng nữ giới lại có trách nhiệm nhiều hơn trong việc làm đúng quy trình kỹ thuật (nữ giới 47 tuổi, trình độ 7/10). Vì vậy ngay khi nữ giới không được tham gia tập huấn, họ có thể làm tốt hơn nam giới trên phương diện công việc trồng trọt. Nhiều nữ giới không được đi tập huấn về SRI nhưng được người biết về SRI truyền lại, có thể họ chỉ áp dụng một khâu kỹ thuật nào dễ và phù hợp với họ. Ví dụ trong SRI có kỹ thuật cấy thưa dảnh, cấy ít dảnh, rút nước đúng thời điểm, bón ít phân... ứng dụng từng phần được giải thích rõ hơn đó là chỉ áp dụng một hoặc hai kỹ thuật của SRI.



Hình 1. Nữ giới trong các vị trí chủ chốt của các xã

Nguồn : Điều tra năm 2009

**Bảng 1. Giới trong tham gia công tác cấp thôn**

Xã	Số người tham gia công tác thôn	Trong đó Nam		Trong đó Nữ	
		Số người	%	Số người	%
Đại Nghĩa	28	12	42,9	16	57,1
Hợp Tiến	12	7	58,3	5	41,7
An Tiến	8	4	50	4	60
Tổng	48	23	47,9	25	52,1

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2009

### 3.2.2. Giới trong các quyết định liên quan đến SRI

Các hộ gia đình lần đầu tham gia SRI còn hoài nghi về hiệu quả của SRI nhưng với các hộ đã áp dụng SRI nhiều vụ thì cả nam và nữ đều ủng hộ dự án. Mọi quyết định về trồng trọt cũng như tham gia vào dự án SRI phụ nữ chiếm 59%. Bởi vì nữ giới thường tham gia nhiều vào các hoạt động phát triển nông nghiệp nông thôn việc họ tiếp cận thông tin và ra quyết định trong trồng trọt sẽ tốt hơn nam giới.

Nữ giới có vai trò quan trọng trong chi tiêu công việc nhà và việc đồng áng nhưng với nghiên cứu quyền quyết định của giới nữ giới trong các hộ không áp dụng SRI hầu như ít có các quyết định chi tiêu lớn, quan trọng trong gia đình.

Về sản xuất nông nghiệp với nhóm hộ trong dự án SRI thì quyết định của nữ về trồng trọt chiếm 83,7%, có nhiều công việc nữ giới nắm vai trò quyết định lớn như công việc chọn giống cây trồng nữ giới quyết định tới 95,5%. Trong khi đó ở các hộ ngoài SRI các quyết định chủ yếu do nam giới

Trong ngành nghề phụ nghề ở hộ SRI thì 87,5% quyết định thuộc về nữ giới, ở hộ không áp dụng SRI nữ chỉ quyết định 75,9%. Điều này cũng không có gì ngạc nhiên vì hộ áp dụng SRI có nhiều thời gian hơn để làm công việc tạo thu nhập khác như thêu, mây tre đan, nấu rượu, hay có thời gian đi làm thuê khác.

Các quyết định lớn như mua sắm sửa chữa các tài sản lớn, cưới hỏi cho con cái trong

các hộ có SRI nữ quyết định 66,1%, hộ không có SRI chỉ là 7,5%. Riêng việc nắm giữ các tài sản lớn như sổ nhà đất, đăng ký xe máy, hoá đơn mua ti vi, đăng ký kinh doanh.. chủ yếu do nam nắm giữ nên quyết định sử dụng các tài sản lớn là do nam.

### 3.2.3. Năng lực giới từ dự án SRI

- Năng lực về kỹ thuật

Nhận thức của nông dân được thay đổi sau khi tiếp cận các mô hình dự án. Trong số các thành viên trong hộ được hỏi, có 99% ý kiến cho là các dự án có làm thay đổi nhận thức của nông dân và các thành viên trong hộ, trong đó 26,8% nam giới đồng ý và 73,2% ý kiến nữ đồng ý; 79,9% ý kiến cho rằng sau khi tập huấn có thể áp dụng được SRI, trong đó có 26,2% nam và 73,8% nữ cho rằng bản thân có thể có thể làm được theo những gì đã biết.

- Năng lực về hoạt động xã hội

Nông dân và đặc biệt là nông dân nữ tự tin đã tổ chức được nhiều lớp tập huấn lại cho nông dân, thành lập nhóm tổ nghiên cứu thí nghiệm về mật độ cấy, nhóm nghiên cứu về sâu bệnh, nhóm nghiên cứu về giống lúa, nhóm nghiên cứu về năng suất và nhóm nghiên cứu về so sánh năng suất hai phương pháp cấy khác nhau. Các nhóm nghiên cứu này đều do nữ làm nhóm trưởng có trách nhiệm viết báo cáo tổng kết và trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm trước hội nghị đầu bờ. Phụ nữ đã khẳng định năng lực và vai trò quyết định công việc sản xuất nông nghiệp trong gia đình hơn hẳn nam giới.

### 3.3. Giới trong mô hình Book keeping

#### 3.3.1. Tham gia của giới trong mô hình Book keeping

Mô hình “Book keeping” (Mô hình sổ kế toán hộ) khác với mô hình SRI vì nó không thực hiện trên đồng ruộng mà thực hiện tại hộ và tại nhóm hộ. Sau khi được tập huấn các hộ mô hình được tổ chức thành các nhóm nhằm trao đổi chia sẻ và hướng dẫn lẫn nhau. Trong gia đình nam giới nắm quyền làm chủ hộ chiếm 87,4%, nhưng trong việc ghi sổ kế toán hộ nữ giới chiếm tới 74,4% (Bảng 2).

Xác định vai trò của giới trong mô hình Sổ kế toán hộ thông qua các tiêu chí chủ hộ là nữ, người ghi sổ là nữ, xếp loại ghi sổ tốt. Qua bảng đánh giá trên ta thấy nữ giới là người ghi sổ tốt hơn nam và chiếm tỷ lệ 81,3% so với nam, các nhóm có nhóm trưởng là nữ thì nhóm đó ghi tốt hơn nhóm có nhóm trưởng là nam. Điều đó chứng tỏ dù ở

phương diện này hay ở phương diện khác thì đều khẳng định được vai trò cần thiết của phụ nữ trong gia đình và các hoạt động xã hội. Tuy nhiên có thể do yếu tố chủ quan hay khách quan mà trong nhiều lĩnh vực lao động cũng như công việc có mức thu nhập cao, có rất ít nữ giới được tham gia.

#### 3.3.2. Giới trong đào tạo TOT về sổ kế toán hộ (đào tạo giảng viên nông dân về sổ kế toán hộ)

TOT (Training of trainers) là phương pháp đào tạo giảng viên nông dân nhằm giúp nông dân có kỹ năng, phương pháp và có khả năng hướng dẫn cho những nông dân khác trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong lớp tập huấn, nữ giới chiếm tỷ lệ cao (60,7%). Với các cuộc thảo luận theo nhóm, lớp học được chia theo nhiều nhóm phụ thuộc vào số lượng học viên. Cơ cấu giới trong nhóm thể hiện sự tham gia của nam và nữ cho mỗi vấn đề cần thảo luận (Bảng 3).

**Bảng 2. Vai trò giới trong ghi sổ**

1	Chủ hộ nữ	12,6%
2	Ghi sổ là nữ	74,4%
3	Xếp loại ghi tốt là nữ	81,3%
4	Nhóm ghi sổ tốt nhất	Nữ nhóm trưởng

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2009

**Bảng 3. Thảo luận nhóm theo các chủ đề trong hộ**

Diễn giải	Số nhóm	Nhóm trưởng		Học viên			Tham gia ý kiến		
		Nam	Nữ	Học viên/ nhóm	Nam	Tỷ lệ %	Tổng	Nam	Tỷ lệ %
1. Cách ghi và hạch toán Trồng trọt	1	1	-	6	2	33,3	7	3	42,9
2. Cách ghi và hạch toán Chăn nuôi	1	-	1	6	2	33,3	9	5	55,6
3. Cách ghi và hạch toán TTCN – DV	1	1	-	5	3	60	5	4	80
4. Cách ghi các khoản Thu trong hộ	1	-	1	5	2	40	11	2	18,2
5. Cách ghi các khoản Chi trong hộ	1	1	-	6	2	33,3	9	3	33,3

Nguồn : Số liệu điều tra tại lớp tập huấn TOT cho nông dân ngày 3 tháng 4 năm 2009

Trong thảo luận ở lớp đào tạo TOT có 5 nhóm vấn đề mà nông dân hay coi là chuyện bình thường, nhưng khi thảo luận thì lại được rất nhiều nông dân quan tâm. Điều đó cho thấy nam và nữ có nhiều ý kiến tham gia khác nhau, tuy nhiên mỗi vấn đề thảo luận lại có những ý kiến nghiêng về giới nam, giới nữ khác nhau như vấn đề về ghi hạch toán thu chi, trông trọt, tỷ lệ nam giới tham gia ít và dao động từ 18% - 42%. Nhưng với việc thảo luận các vấn đề ghi hạch toán về chăn nuôi, TTCN – dịch vụ thì tỷ lệ ý kiến của nam chiếm 55% - 80%.

### 3.3.3. Lợi ích của giới từ mô hình Book keeping

Ở huyện Mỹ Đức (Hà Nội) cũng như các vùng nông thôn khác, phụ nữ là người chủ lực trong công việc gia đình và xã hội nhưng vẫn bị thiệt thòi trên nhiều mặt. Đánh giá lợi ích giới từ mô hình qua các khía cạnh như:

- Hưởng lợi của phụ nữ từ dự án (Bảng 4)

Một mô hình có thể đưa lại lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất. Dự án kỹ thuật thường thể hiện rõ lợi ích vật chất còn dự án Sổ thì lợi ích được hiểu là được giao tiếp, được hợp hành, khả năng tính toán viết tốt hơn... Qua khảo sát cho thấy, tỷ lệ phụ nữ được đi tập huấn, hội họp hoặc hỏi ý kiến do có dự án cao hơn, từ đó làm giảm dần sự cách biệt so với nam.

Từ việc học ghi sổ, năng lực tính toán, viết chữ của chị em tăng lên. Phụ nữ gần gũi hơn với con cái và bố mẹ nên được nhiều người trong gia đình tham gia ghi sổ cùng. Phụ nữ chia sẻ với xung quanh việc ghi sổ rộng rãi hơn vì họ thường cởi mở và thường làm việc trong làng.

Trong số trên có 5 người đã 5 - 7 năm không cầm bút viết và 2 người đã 10 -15 năm không cầm bút viết. Điều đặc biệt họ đều là phụ nữ vì mọi công việc quan trọng trong gia đình đều do chồng và con đảm nhiệm. Một số hộ nghèo cả vợ và chồng hầu như rất ít khi cầm bút ghi chép các công việc trong gia đình. Việc ghi sổ kế toán đem lại sự hiểu biết về tính toán thu chi và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong hộ mà bấy lâu nay họ thường ước lượng một cách không chính xác các khoản thu chi của gia đình mình.

- Hưởng lợi của trẻ em gái

Dự án ghi sổ thường lấy gia đình của một người làm nơi trao đổi cho cả nhóm hoặc trao đổi với cán bộ dự án. Điều này có ảnh hưởng tới trẻ em gái vì trẻ em trai hay chơi ngoài đường, ngoài sân, còn trẻ em gái thường chơi quanh quẩn trong nhà, trong vườn. Họp nhóm thường kích thích sự tò mò của trẻ em gái, gọi mở các em bắt chước mẹ hoặc cùng mẹ ghi chép, tính toán. Trong số các em đó, có những em gái sẽ ở lại quê và trở thành nông dân.

**Bảng 4. Quyền lợi và chia sẻ thông tin của phụ nữ**

TT	Chỉ tiêu	Tổng số Người trả lời	Nữ	
			Số người	Tỷ lệ (%)
1	Trước đây không ghi sổ sách	36	29	80,6
2	Trước đây không dùng bút giấy	14	10	71,4
3	Trước đây không được đi họp từ xã trở lên	24	14	58,3
4	Trước đây không được tập huấn từ xã trở	26	15	57,7
5	Trước đây không được đề nghị góp ý kiến	45	36	80,0
6	Từ khi ghi sổ thấy chữ viết đẹp hơn và tính nhanh hơn	79	55	69,6
7	Trong gia đình có người ghi sổ cùng	25	17	68,0
8	Trong thôn có người biết việc hộ ghi sổ	75	57	76,0

Nguồn: Báo cáo Đánh giá hiệu quả và tác động của mô hình Sổ kế toán hộ Book keeping tại Mỹ Đức, Hà Nội (Trích kết quả điều tra 87 hộ ngày 9/5/2009 nhân cuộc họp nhóm theo xã).

### **3.3.4. Các khó khăn liên quan tới phụ nữ khi tham gia vào SRI và mô hình ghi sổ kế toán**

- Khó khăn về quan niệm của gia đình và xã hội về SRI và mô hình ghi sổ kế toán

SRI và mô hình ghi sổ kế toán là một tiến bộ khoa học mới được đưa vào nông dân nghèo sản xuất nông nghiệp. SRI giúp nông dân có phương pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất cây trồng. Mô hình ghi sổ kế toán giúp nông dân tính toán và so sánh sản xuất cây trồng nào hay chăn nuôi con vật nuôi nào có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, mô hình dự án khi được đưa vào nông thôn đã gặp không ít những khó khăn nhất là giới nữ khi tham gia vào mô hình. Quan niệm của cấp quản lý cho rằng để thay đổi cái gì mang tính truyền thống thì thật khó, còn quan niệm của nam giới trong gia đình thì cho rằng phụ nữ không có đủ trình độ năng lực để làm và thực hiện được một tiến bộ kỹ thuật mới vì vậy sẽ thất bại và không đem lại kết quả gì. Sự không đồng thuận của nam giới trong gia đình thường hay làm phụ nữ không tự tin vào khả năng của bản thân.

- Khó khăn về năng lực tiếp nhận khoa học kỹ thuật trong mô hình dự án

Cơ hội để nông dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng còn rất nhiều hạn chế như quan niệm về thiên chức của nữ giới, về sức khỏe phụ nữ, về cơ hội được tiếp cận khoa học kỹ thuật mới, về năng lực và trình độ để tiếp cận mô hình kỹ thuật đó, v.v...

- Khó khăn về vai trò và quyền quyết định trong gia đình và xã hội

Phụ nữ trong gia đình ở thời điểm nào cũng luôn bị nam giới cho là người quyết định phụ nữ ngay cả trong các quyết định về trồng trọt được cho là phụ nữ có nhiều vai trò nhất (gieo trồng lúa thì phụ nữ luôn quyết định tuy nhiên khi thu hoạch và bán sản phẩm thì đều do nam giới quyết định). Việc quyết định tham gia vào mô hình ghi sổ kế toán hộ, thời gian đầu không ít phụ nữ bị chồng cấm không cho ghi chép và không

được tham gia các hoạt động họp nhóm, hội thảo. Khi ghi chép, hạch toán cẩn thận theo dự án, phụ nữ đã biết hạch toán quản lý chi tiêu trong gia đình hơn, nhiều nam giới cho rằng vợ mình không tin tưởng nên phải ghi chép, điều này cản trở không nhỏ tới tâm lý của phụ nữ trong việc tham gia vào mô hình ghi sổ.

### **3.4. Một số đề xuất tăng cường sự tham gia của giới vào trong các hoạt động xã hội và các mô hình dự án**

#### **3.4.1. Thay đổi quan điểm và nhận thức của cán bộ các cấp về vấn đề giới**

- Lãnh đạo ở địa phương và các cấp cần lưu ý vấn đề giới trong phát triển xã hội và không coi nhẹ vấn đề giới trong phát triển nông nghiệp nông thôn.

- Làm rõ vấn đề giới là vấn đề chung của cả cộng đồng mà không riêng về một nhóm tổ nào trong xã hội, mà cần xem xét giới giữa các hộ hơn là giới trong nội bộ hộ gia đình.

- Các cấp cần có nhiều cơ chế chính sách mở rộng hợp tác quốc tế tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức nước ngoài vào Việt Nam tham gia phát triển, nghiên cứu đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam.

#### **3.4.2. Tuyên truyền và nâng cao trình độ cho hộ nông dân nhất là phụ nữ**

- Nâng cao trình độ học vấn cho nông dân làm môi trường và điều kiện để phụ nữ phát triển.

- Tuyên truyền cho người dân thay đổi tư duy không phân biệt nam và nữ trong toàn cộng đồng.

- Các tổ chức hội, đoàn thể các cấp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân cần quan tâm vấn đề cân bằng giới trong mỗi khóa tập huấn hoặc có lớp tập huấn ưu tiên nhiều nữ hơn, hoặc có lớp liên quan đến bạo lực gia đình, lớp liên quan đến quyền của phụ nữ trong gia đình và xã hội thì có thể cho nam tham gia nhiều hơn.

### **3.4.3. Nâng cao kinh tế hộ từng bước đưa phụ nữ tham gia vào mô hình kinh tế, dự án**

- Giúp các hộ nữ tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ hỗ trợ của nhà nước và các tổ chức khác. Trong đó chú ý nhất là các dịch vụ tài chính vi mô, khuyến nông, dự án, mô hình phát triển.

- Phát triển các ngành nghề phù hợp với khả năng và nhu cầu của các chủ hộ nữ đặc biệt là nghề phụ và chăn nuôi.

- Các chủ hộ nữ thường ít có cơ hội làm việc xa làng, xã và tìm việc ngoài huyện nên cần hướng cho họ phát triển các ngành nghề tại chỗ.

- Đảm bảo những nguồn lực cơ bản cho các chủ hộ nữ như đất đai, vốn. Việc này cần đi đôi với các biện pháp giúp họ quản lý rủi ro vì các chủ hộ nữ thường là hộ gặp nhiều rủi ro.

### **3.4.4. Định hướng cho phụ nữ về quyền và vai trò quyết định của mình trong gia đình và xã hội**

Vai trò và quyền quyết định của phụ nữ ở cương vị nào cũng bị nam giới lấn át. Cần kết hợp với các tổ chức khác giáo dục, tuyên truyền cho phụ nữ thấy vai trò và quyền của mình trong gia đình và xã hội để phụ nữ cố gắng vươn lên vì nữ hay tự ti, coi mình yếu hơn nam giới.

Khi xây dựng mô hình dự án cần đặt các mục tiêu cụ thể cân bằng giới cho từng loại hoạt động. Với mô hình thử nghiệm cần máy hộ nam, máy hộ nữ, tập huấn tham quan yêu cầu cần có cân bằng nam và nữ.

### **3.4.5. Ưu tiên động viên phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội**

- Đề cao các điển hình nông dân nữ đi đầu trong phát triển kinh tế gia đình, các gương học tập đào tạo và thành đạt của phụ nữ trong thôn, xã.

- Phụ nữ hay tự ti trong gia đình và ngoài xã hội nên cần có các lớp tập huấn có

sự tham gia phụ nữ tự do trao đổi thảo luận các vấn đề trong gia đình và xã hội, giúp cho phụ nữ chủ động hơn trong việc quyết định là người tham gia đi họp thôn xóm hay tham gia tập huấn khoa học kỹ thuật khác

- Các mô hình dự án ưu tiên nữ tham gia và nữ làm nhóm trưởng trong các tổ nhóm nghiên cứu kỹ thuật, nhóm ghi sổ kế toán.

- Trong cơ cấu cán bộ thôn, xã, huyện... cần có tỷ lệ cán bộ nữ thích hợp tạo điều kiện cho phụ nữ thuận lợi phát huy vai trò và khả năng của mình.

## **4. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu về giới trong các mô hình dự án nhằm đưa vấn đề giới thành một hoạt động cần thiết phổ biến ở nông thôn nói chung và nhận thức cân bằng giới trong hoạt động gia đình và xã hội nói riêng. Mục tiêu là tất cả người dân, tất cả loại hộ đều biết về khuyến nông, về SRI và Book keeping.

Trong các xã có các dự án SRI và Book keeping, tham gia của giới ở cấp xã cũng tương tự như các nơi khác: các cấp chủ chốt ở xã vẫn do nam giới đảm nhiệm. Với cấp thôn thì nữ tham gia công việc xã hội chiếm tỷ lệ cao hơn vì các dự án chủ yếu tiến hành trong phạm vi thôn đã tạo thêm một số vị trí cho nữ phụ trách như trưởng nhóm SRI, trưởng nhóm ghi sổ. Cả 2 mô hình đều có tỷ lệ nữ tham gia tập huấn cao hơn nam giới. Hơn nữa năng lực giới thể hiện qua việc biết mô hình, làm theo mô hình thì nữ cũng có ưu thế hơn. Các vấn đề mà nam và nữ quan tâm trong các mô hình cũng khác nhau, các quyết định hàng ngày hoặc quyết định nhỏ thì nữ tham gia quyết định cao nhưng các quyết định lớn và quyền sở hữu tài sản vẫn chủ yếu thuộc về nam giới. Như vậy với các mô hình nhỏ trực tiếp tới hộ cũng chưa đủ thay đổi vị thế của nữ trong những việc lớn ở nông thôn.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Thị Mỹ Dung (2009). Hoàn thiện và mở rộng mô hình Book keeping nhằm ghi chép và đánh giá kết quả kinh tế và ảnh hưởng tới giảm nghèo qua áp dụng hệ thống SRI tại huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Hội thảo trình diễn mô hình do Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội và Tổ chức Oxfam Mỹ phối hợp tổ chức tại An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội.
- Phạm Thị Mỹ Dung (2010). Đánh giá hiệu quả và tác động ban đầu của mô hình Sổ kế toán hộ tại Mỹ Đức, Hà Nội. Hội thảo nội bộ do Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội và Tổ chức Oxfam Mỹ phối hợp tổ chức tại Hà Nội.
- <http://ciifad.cornell.edu/sri/>: OXFAM Mỹ, Đề xuất dự án, Hệ thống thâm canh lúa cải tiến “Vì sự tiến bộ của những người nông dân trồng lúa trong khu vực sông Mê Kông”.
- Quyên Đình Hà, Nguyễn Tuyết Lan, Nguyễn Việt Đăng, Nguyễn Minh Thu, Đỗ Thanh Huyền (2003). Khảo sát vai trò của phụ nữ trong nông nghiệp và nông thôn xã Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên.
- Nguyễn Quý Thanh (2008). Báo cáo nghiên cứu “Phân tích giới và bối cảnh cho dự án thâm canh lúa cải tiến (SRI) tại Việt Nam”.